

Bản án số: 1054/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 9 - 2020

V/v : “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

2. Ông Phạm Văn Chính

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Kim Thông - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 657/2020/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 312/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 308/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hoài P, sinh năm 1983 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 6/5A ấp 2, xã N, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Võ Minh T, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: 6/5A ấp 2, xã N, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/5/2020, bản tự khai ngày 03/7/2020, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoài P trình bày:

Bà và ông Võ Minh T tự nguyện chung sống với nhau năm 2001 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương năm 2002.

Sau khi cưới, vợ chồng về sống tại 6/5A ấp 2, xã N, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến tháng 02/2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T ghen tuông, vợ chồng hay cãi nhau, xúc phạm, không tôn trọng nhau. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã

trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: có 02 trẻ Võ Thị Phương D, sinh ngày 06/5/2003 và Võ Minh T, sinh ngày 09/02/2009. Bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 trẻ D, T và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có

Về nợ chung: không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/7/2020, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Võ Minh T trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Hoài P tự nguyện chung sống với nhau năm 2001 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương năm 2002.

Sau khi cưới, vợ chồng về sống bên vợ 6/5A ấp 2, xã N, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến tháng 02/2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là bà P có điện thoại và đi chơi với người khác, vợ chồng có cãi nhau. Ông có quan tâm, chăm sóc, tôn trọng vợ. Ông cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn của vợ, chồng không nghiêm trọng nên ông không đồng ý ly hôn và có nguyện vọng hàn gắn quan hệ vợ chồng.

Về con chung: có 02 trẻ Võ Thị Phương D, sinh ngày 06/5/2003 và Võ Minh T, sinh ngày 09/02/2009. Nếu ly hôn, ông T đồng ý để bà P được trực tiếp nuôi 02 trẻ D, T và ông T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có

Về nợ chung: không có.

Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn đã tiến hành hòa giải nhưng không thành, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định. Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Phía nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: vì đây là tranh chấp ly hôn và bị đơn cư ngụ tại huyện Hóc Môn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo các quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà P và ông T tự nguyện tiến đến hôn nhân. Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 30, quyển số 01 ngày 11/4/2002 do Ủy ban

nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương cấp thì đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông T là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của bà P: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông T. Bà P khai mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 02 năm 2020. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T ghen tuông, vợ chồng hay cãi nhau, ông T xúc phạm bà, vợ chồng không tôn trọng nhau.

Tòa án đã động viên, hòa giải để bà P, ông T trở về đoàn tụ nhưng bà P không đồng ý, có nguyện vọng được ly hôn, ông T không đồng ý ly hôn, mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Hội đồng xét thấy, bà P và ông T đã xảy ra mâu thuẫn trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau vì ông T hay ghen tuông, xúc phạm bà P, không tôn trọng nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã động viên bà P trở về đoàn tụ gia đình nhưng bà P vẫn cương quyết ly hôn vì không còn tình cảm. Nhận thấy đời sống chung vợ chồng của bà P, ông T đang ở trong tình trạng trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể kéo dài. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P.

[4] Xét yêu cầu của ông T: Tại bản tự khai, ông T thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, có cãi nhau vì ông T ghen tuông bà P, nghi ngờ bà P đi chơi với người khác. Nhưng ông T không đồng ý ly hôn vì ông cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn không trầm trọng, ông T vẫn còn tình cảm với bà P, ông có nguyện vọng hàn gắn gia đình để lo cho con. Hội đồng xét thấy ông T không đồng ý ly hôn với bà P nhưng từ khi mâu thuẫn xảy ra, ông T cũng không đưa ra được phương án để vợ chồng hàn gắn. Đối với bà P, bà vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn, chứng tỏ bà P đã không còn tình cảm với ông T, tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ 02 phía. Do không còn tình cảm, không còn tiếng nói chung nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu được đoàn tụ của ông T.

[5] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống, bà P và ông T có 02 trẻ Võ Thị Phương D, sinh ngày 06/5/2003 và Võ Minh T, sinh ngày 09/02/2009. Bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 trẻ D, T và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét ý kiến của ông T nếu ly hôn ông T đồng ý giao 02 trẻ D, T cho bà P nuôi dưỡng, ông T không cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai 02 trẻ D, T có nguyện vọng sống với bà P. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của bà P là phù hợp với tình hình thực tế, phù hợp với nguyện vọng của trẻ, do đó có cơ sở chấp nhận.

Về tài sản chung: Đương sự khai không có.

Về nợ chung: Đương sự khai không có.

[6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu quan điểm về phần thủ tục tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, bà Nguyễn Thị Hoài P phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hoài P được ly hôn với ông Võ Minh T.

2. Về con chung: Giao 02 trẻ Võ Thị Phương D, sinh ngày 06/5/2003 và Võ Minh T, sinh ngày 09/02/2009 cho bà Nguyễn Thị Hoài P trực tiếp nuôi, tạm ngừng tiền cấp dưỡng nuôi con đối với ông Võ Minh T cho đến khi có yêu cầu của bà P.

Vì lợi ích của con chung, sau khi ly hôn bên không trực tiếp nuôi con có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có

4. Nợ chung: Không có.

5. Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hoài P phải chịu là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng mà bà P đã nộp theo biên lai số 0078172 ngày 09 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà P đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H.Học Môn;
- Chi Cục THADS H.Học Môn;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Phụng